

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Số giấy chứng nhận ĐKDN: Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 04 năm 2012, cùng các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.
- Vốn điều lệ: 72.276.620.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 72.276.620.000 đồng
- Địa chỉ: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: +(84 8) 35531761 Số fax: +(84 8) 35533029
- Địa chỉ website: <http://pms.petrolimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu: PMS

Quá trình phát triển .

- Tiền thân của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu là xưởng Cơ Khí Thống Nhất thuộc Bộ Vật Tư được thành lập ngày 22/10/1975 trên cơ sở quốc hữu hoá 2 Công ty Bình Lợi và Công ty Khai Thác Kỹ Nghệ Semi .
- Ngày 30/01/1988 theo quyết định 02VT-QĐ của Bộ Vật tư xưởng đổi tên thành Xí Nghiệp Cơ Khí 23/11 và trở thành đơn vị trực thuộc Công ty Xăng Dầu Khu Vực II. Ngày 17/12/1992 Xí nghiệp Cơ khí 23/11 đổi tên thành Xí nghiệp Cơ Khí Xăng Dầu (theo quyết định 111/TMDL/QĐ của Bộ Thương Mại và Du Lịch. Xí nghiệp trở thành đơn vị trực thuộc Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam..
- Ngày 21/11/1997 theo quyết định số 1169/TM/TCCB của Bộ Thương Mại đổi tên Xí nghiệp Cơ khí Xăng dầu thành tên Công ty Cơ khí Xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và là đơn vị hạch toán độc lập.
- Ngày 31/05/1999 theo quyết định số 132 /1999-QĐ/TT của Thủ tướng Chính Phủ chuyển đổi Công ty Cơ Khí Xăng Dầu thành Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 35 % vốn điều lệ.
- Ngày 06/11/2003 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu được chính thức niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán TPHCM (mã giao dịch là PMS)
- Vốn điều lệ là 32 000 000 000 đồng (3 200 000 cổ phiếu)
- Năm 2005 công ty được bình chọn và trao tặng cúp vàng thương hiệu Việt và được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng II.
- Ngày 09/04/2007 Công ty tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu, nâng số vốn điều lệ lên 52 000 000 000 đồng. Ngày 03/05/2007 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 000 000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TPHCM.
- Ngày 26/05/2009 cổ phiếu niêm yết của Công ty chuyển từ sàn TPHCM ra sàn Hà Nội.
- Ngày 01/07/2011 công ty kết thúc đợt phát hành cổ phiếu. Ngày 19/12/2011 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 027 662 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nâng số vốn điều lệ lên 72 276 620 000 đồng.

- Tháng 05 năm 2016 thành lập công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai 100% vốn từ Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu với vốn điều lệ là 51.000.000.000 đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

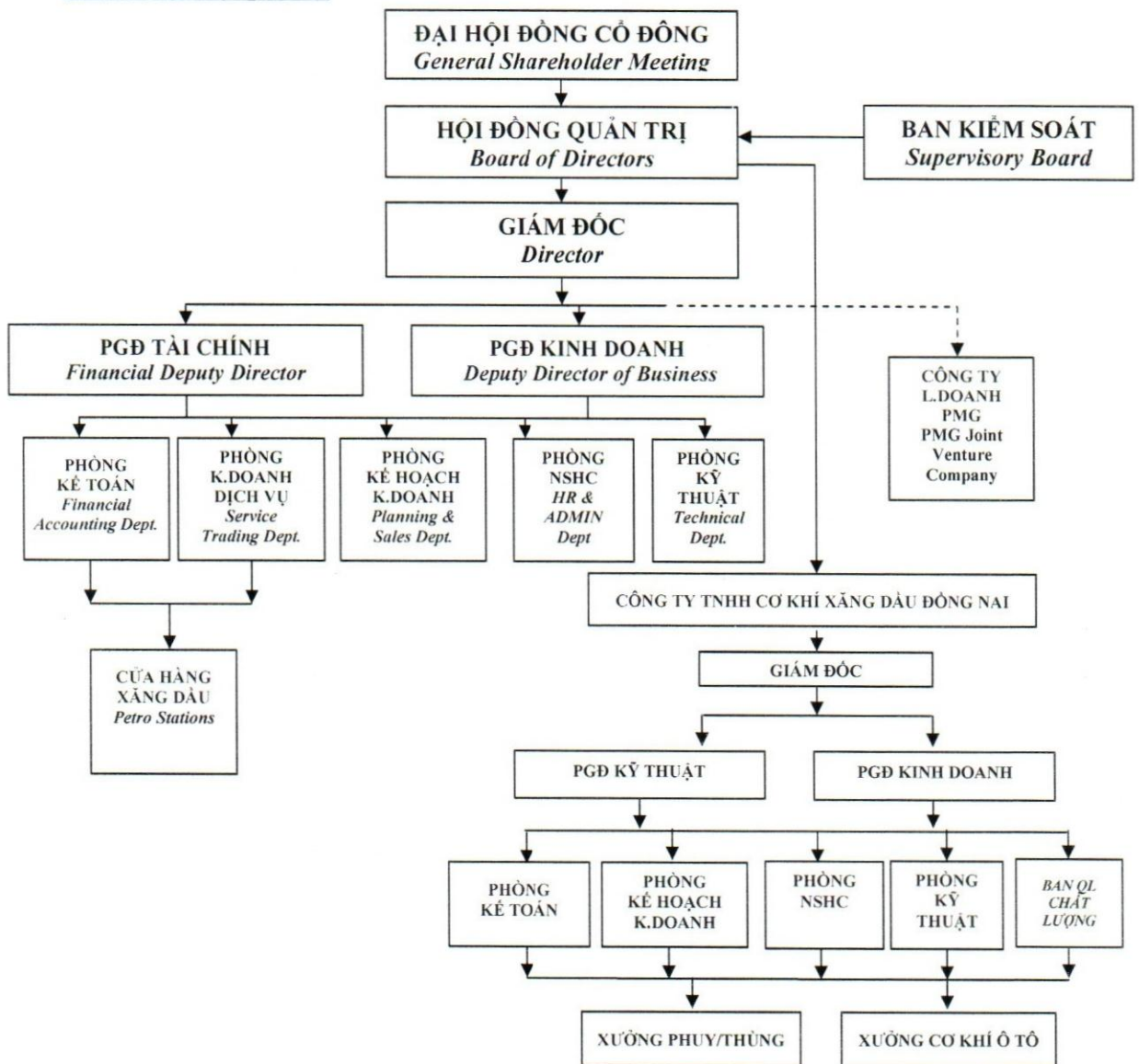
Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm :

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh
 - + Thùng phuy thép 200 lít
 - + Thùng thép 18/20 lít
 - + Các loại bồn thép hình tròn , elip
 - + Các loại xe bồn đóng mới từ chasis Hyundai, Hino, Kamaz.
- Lĩnh vực dịch vụ
 - + Đo lường kiểm định xe bồn
 - + Mua bán vật tư thiết bị xăng dầu
 - + Xây dựng cửa hàng xăng dầu và xây dựng công nghiệp
 - + Kinh doanh xăng dầu (bán lẻ và bán buôn)

Địa chỉ kinh doanh: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty liên quan

Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan đến ngày 31/12/2017

- ❖ **Công ty TNHH Cơ Khí Gas (PMG)** : là công ty liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Công ty CP Gas Petrolimex thành lập theo quyết định số 4102018919 do sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 21/11/2003
 - Địa chỉ: Kho B tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
 - Vốn điều lệ : 22 524 919 267 đồng trong đó Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu 49% và Công ty CP Gas Petrolimex 51%.
 - Ngành nghề kinh doanh :
 - + Sản xuất, sửa chữa , bảo dưỡng và kiểm định bình Gas .
 - + Mua bán, thiết bị công nghệ ngành Gas – Xăng Dầu – Dầu khí.
 - + Tư vấn lắp đặt chuyên giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật ngành cơ khí LPG (khí hoá lỏng).
 - + Mua bán vật liệu xây dựng , nguyên liệu ngành gốm sứ, thiết bị hàng kim khí điện máy.
 - + Xây dựng công nghiệp.
- ❖ **Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai:** Là công ty 100% vốn của Công ty CP Cơ khí Xăng dầu
 - Địa chỉ: Lô 108-109-100 KCN Dệt may Nhơn Trạch, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
 - Vốn điều lệ :51.000.000.000 đồng.
 - Ngành nghề kinh doanh :
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh
 - + Thùng phuy thép 200 lít
 - + Thùng thép 18/20 lít
 - + Các loại bồn thép hình tròn , elip
 - + Các loại xe bồn đóng mới từ chasis Huyndai, Hino, Kamaz.
 - Lĩnh vực dịch vụ
 - + Mua bán vật tư thiết bị xăng dầu
 - + Xây dựng cửa hàng xăng dầu và xây dựng công nghiệp
 - + Kinh doanh bất động sản
 - + Vận tải hàng hóa đường bộ.

4 . Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty
- + Giữ vững ổn định và phát triển bền vững lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính phuy 200 lít và thùng 18 / 20 lít.
- + Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của công ty đảm bảo hiệu quả kinh doanh .
- + Tăng cường công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Công ty xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2020 theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm bình quân là 10%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ dự kiến bình quân hàng năm đạt từ 15% đến 20%.
- + Bên cạnh kinh doanh các sản phẩm truyền thống, ưu tiên phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong hệ thống Petrolimex. Nghiên cứu thị trường để phát triển kinh doanh các loại hàng hóa dịch vụ.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Thực hiện mục tiêu vì môi trường xanh sạch cho cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường

- + Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá làm biến động giá tăng một số vật tư nguyên liệu đầu vào.
- + Quản lý rủi ro tỷ giá: Công ty chịu rủi ro tỷ giá phát sinh từ các hợp đồng đã được ký kết nhưng chưa nhập vật tư kịp thời. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách tăng cường công tác nghiên cứu dự báo tình hình thị trường và kiểm soát chặt chẽ khâu nhập vật tư.

- **Rủi ro về giá hàng hóa:** Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp.

- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty cần đưa ra các giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro tín dụng.

- Quản lý rủi ro thanh khoản:

- + Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.
- + Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017:

- Doanh thu: 766,094 tỷ đồng, đạt 91,01% so với kế hoạch và bằng 102,58% so với cùng kỳ năm 2016
- Lợi nhuận trước thuế: 24,742 tỷ đồng đạt 130,22% so với kế hoạch và bằng 63,04% so với cùng kỳ năm 2016

2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đoàn Đắc Học	Giám đốc	
2	Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: Ông ĐOÀN ĐẮC HỌC

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 24 - 09 -1968
 Địa chỉ : 553/28E - Nguyễn Kiệm - P.9 - Quận Phú Nhuận -TPHCM
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện và cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 1991 – 2001 : Cán bộ kỹ thuật – Quản đốc Công ty Cơ Khí Xăng Dầu
 2001 -2003 : Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 2003 -2008 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 2009 - 2009 : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 11/2009 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 61.840 cổ phần

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: Ông HỒ TRÍ LƯỢNG

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 20/03/1969
 Địa chỉ : Phường 13 – Quận Bình Thạnh – Tp.HCM
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 1992 - 1994 : Nhân viên Ngân hàng ĐT và PT Tiền Giang
 1994-1995 : Phó phòng kế toán CN Xăng dầu Tiền Giang
 1995 – 2002 : Phó phòng Kế toán, Cty Xăng dầu Tiền Giang
 2002-2006 : TP kế toán Cty XD Tiền Giang
 2007-T03/2010 : Kế toán trưởng Cty XD Tiền Giang
 T04/2010-T11/2010 : PP kế toán Cty CP cơ khí Xăng dầu
 T12/2010-T03/2011 : TP kế toán cty CP CK Xăng dầu
 T04/2011-T04/2016 : Kế toán trưởng – Công ty CP CK Xăng dầu
 T05/2016- đến nay : Phó giám đốc Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 800 cổ phần

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng

Hội đồng quản trị :

- + Tháng 10 năm 2017 ông Nguyễn Quang Kiên thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và được thay thế bởi ông Đoàn Đắc Học
- + Tháng 09 năm 2017 ông Howang Yu Nam thôi giữ chức Phó chủ tịch HĐQT
- + Tháng 09 năm 2017 bổ sung ông Hồ Trí Lượng là Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát : không thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số lao động của công ty là 250 người, trong đó cơ cấu lao động như sau :

STT	Yếu tố	31/12/2017
	Số lượng nhân viên, công nhân	250
	Theo trình độ chuyên môn	
1	Thạc sỹ	2
2	Đại học	45
3	Cao đẳng, trung cấp	44
4	Trung học chuyên nghiệp, bậc nghề	159

- Chính sách đào tạo :

Đào tạo là một chính sách rất được coi trọng tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu. Do đó hàng năm nhân viên của công ty đều được tham gia các khoá học căn bản và nâng cao kiến thức để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Trong năm 2017, tổng quỹ lương hiện hành là 28,489 tỷ đồng tăng 6,28% so với kế hoạch và 97,28% so với cùng kỳ năm 2016, mức lương bình quân năm 2017 đạt 9.500.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Thực hiện dự án đầu tư 2017:

- Dự án di dời Xưởng cơ khí ô tô: Hoàn tất việc di dời và đi vào sản xuất ổn định xưởng cơ khí Ô tô trong tháng 12/2017.
- Dự án 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM: Hoàn thiện CHXD và đi vào hoạt động từ đầu tháng 02/2018. Phần đất còn lại Công ty đang nghiên cứu lựa chọn phương án đầu tư. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát và phê duyệt phương án triển khai theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.
- Đầu tư mới, sửa chữa nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất tại Công ty PMS Đồng Nai: Tổng kinh phí thực hiện là 5,5 tỷ đồng – hoàn thành 71% so với kế hoạch.
- Đầu tư tại Công ty PMS: Tổng kinh phí 7,5 tỷ đồng (xây mới CHXD và sửa chữa hệ thống phụ trợ)

- Các công ty con, công ty liên kết.

- Tại Công ty TNHH Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai: Lợi nhuận sau thuế đạt 11,082 tỷ đồng
- Tại Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG: Lợi nhuận sau thuế đạt 18,875 tỷ đồng

4. Báo cáo tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	%
1	Tổng giá trị tài sản	Vnđ	307,139,594,350	305,285,471,986	99.40%
2	Doanh thu thuần	Vnđ	746,796,084,153	766,094,439,623	102.58%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Vnđ	38,194,515,865	21,726,905,686	56.88%
4	Lợi nhuận khác	Vnđ	1,052,465,694	3,015,957,457	286.56%
5	Lợi nhuận trước thuế	Vnđ	39,246,981,559	24,742,863,143	63.04%
6	Lợi nhuận sau thuế	Vnđ	33,474,553,574	23,727,670,438	70.88%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	33%	23%	69.70%

- Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu / hệ số	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu	746,796	766,094	
Giá vốn hàng bán / doanh thu	%	88.30	89.71	
Lợi nhuận gộp / doanh thu	%	11.99	10.29	
Chi phí bán hàng / doanh thu	%	2.43	2.81	
Chi phí quản lý / doanh thu	%	5.24	5.18	
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.67	0.65	
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.10	1.04	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Tỷ số nợ trên tổng tài sản (D/A)	Lần	0.45	0.47	
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E)	Lần	0.84	0.91	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11.10	11.86	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	2.43	2.51	
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	10.90	7.77	
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu (ROS)	%	4.48	3.10	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5.11	2.84	
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	20.08	14.85	

(Nguồn số liệu lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường , cổ phiếu ưu đãi ..)

+ Cổ phiếu thường	7.227.662
+ Cổ phiếu ưu đãi	0

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại :

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :	7.201.772
+ Số lượng cổ phiếu quỹ :	25.890

Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp :

Trong năm 2017, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông

STT	Chỉ tiêu	Xác định ngày 31 - 12- 2017	
		Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Tổ chức/ cá nhân		
	Tổ chức	3.816.694	52,81 %
	Cá nhân	3.410.968	47,19 %
	Cộng	7.227.662	100%
2	Trong nước/ Ngoài nước		
	Trong nước	6.783.020	93,85 %
	Ngoài nước	444.642	6,15 %
	Cộng	7.227.662	100%
3	Cổ đông lớn/ Cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	4.140.437	57,28 %
	Cổ đông nhỏ	3.087.225	42,72 %
	Cộng	7.227.662	100%
4	Cổ đông nhà nước/ cổ đông khác		
	Cổ đông nhà nước	3.324.877	46 %
	Cổ đông khác	3.902.785	54 %
	Cộng	7.227.662	100%

- Thông tin của các cổ đông lớn.

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ
1	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	Xăng dầu, dầu nhờn, xây dựng, bảo hiểm, vận tải, khí hoá lỏng, hoá chất, thiết bị xăng dầu, cơ khí...	46%

2	Trần Thị Hiền:	S474/5 Nguyễn Văn Công, F3, Quận Gò Vấp - TP.HCM	11,28%
---	----------------	--	--------

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình kinh tế năm 2017 diễn ra trong bối cảnh trong và ngoài nước có những yếu tố thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Tăng trưởng các nền kinh tế lớn diễn biến tích cực, giá dầu lên mức cao nhất trong 02 năm qua.

Trong nước, tăng trưởng GDP dự báo đạt kế hoạch 6,81%, duy trì lạm phát ở mức thấp, tỷ giá USD/VND ổn định.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi do nhà máy mới tại Nhơn Trạch đã đi vào sản xuất ổn định.

Bên cạnh thuận lợi trên, năm 2017 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều tác động của yếu tố bất lợi:

- Giá nguyên vật liệu chính tăng cao và nhanh từ cuối năm 2016
- Theo quy định nhà nước về khí thải chuyển đổi sang Euro 4, nên các nhà đầu tư xe mới chờ đợi chính thức từ nhà nước mới quyết định.
- Chi phí khấu hao, chi phí tài chính tăng cao làm tăng giá thành giảm sức cạnh tranh so với các đối thủ.

Doanh thu: 766,094 tỷ đồng, đạt 91,01% so với kế hoạch và bằng 102,58% so với cùng kỳ năm 2016

Lợi nhuận trước thuế: 24,742 tỷ đồng đạt 130,22% so với kế hoạch và bằng 63,04% so với cùng kỳ năm 2016

Dự kiến năm 2017 chia cổ tức 23% trên vốn điều lệ tăng 8 điểm phần trăm so với kế hoạch (kế hoạch 15%).

Chi tiết kết quả SXKD các ngành hàng năm 2017 của Công ty:

a. Kinh doanh các sản phẩm Phuy, Thùng:

Phuy các loại: Sản lượng đạt 453.829 cái tăng 8% so với kế hoạch và tăng 19,4% so với cùng kỳ, doanh thu đạt 197,7 tỷ đồng tăng 2% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 7,2 tỷ đồng vượt 11% kế hoạch.

Trong năm 2017 Công ty duy trì được các khách hàng truyền thống, phát triển thêm 1 số khách hàng mới với sản lượng tốt như Tiến Thịnh, Trường Hoàng ..., tăng sản lượng ở 1 số khách hàng lấy 02 nhà cung cấp như Becker, KCC... Kết quả trong năm 2017 công ty tiếp tục dẫn đầu thị trường chiếm khoảng 48% thị phần, sản lượng tăng ở hầu hết các ngành hàng, riêng chỉ Phuy mật Ong giảm, nguyên nhân do giá mật ong tiếp tục thấp nên khách hàng sử dụng Phuy phục hồi (chỉ sử dụng Phuy mới khi nhà nhập khẩu yêu cầu).

Thùng 18/20L: Năm 2017 sản lượng thùng 18/20L đạt 938.959 cái bằng 94% so với kế hoạch, doanh thu đạt 54,97 tỷ đồng bằng 87% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 3,12 tỷ tăng 4% so với kế hoạch.

Năm 2017 sản phẩm thùng 18/20L thị phần Công ty PMS giữ vững thị phần mức 60% thị phần, nguyên nhân sản lượng năm 2017 không đạt so với kế hoạch do các khách hàng lớn của Công ty như Jotun, International, Nanpao... đều giảm mạnh sản lượng so với năm 2016 do việc bán sản phẩm vào các dự án chậm, ngoài ra cũng vấp

phải sự cạnh tranh của các đối thủ như KCC, Hampel, Sigma... – khách hàng Hampel hiện nay PMS chưa cung cấp do yêu cầu chứng chỉ UN, KCC đã thử mẫu loại thép 0,38mm dự kiến sẽ cung cấp trong năm 2018, Sigma nhập sơn từ công ty mẹ Malaysia.

b. Kinh doanh các sản phẩm xưởng Cơ khí ô tô:

Năm 2017 kinh doanh sản phẩm xưởng cơ khí ô tô gặp khó khăn do xuất hiện thêm 1 đối thủ tiềm năng nên bị chia thị phần, xu hướng của thị trường chuyển sang đóng bồn nhôm (do tải trọng tăng và tránh được việc tải xế dùng các thủ thuật để gian lận gây khó khăn cho nhà quản lý) trong khi Công ty chưa có máy móc thiết bị để sản xuất Bồn nhôm.

Kết quả doanh thu đạt 99,6 tỷ đồng bằng 50% kế hoạch, lợi nhuận đạt 1,4 tỷ đồng bằng 71% kế hoạch.

c. Kinh doanh dịch vụ: Năm 2017 doanh thu đạt 413,9 tỷ vượt 7% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 3,74 tỷ vượt 7% so với kế hoạch. Trong đó:

+ **Kinh doanh xăng dầu:** Sản lượng đạt 28.143 m³ đạt 98% kế hoạch, doanh thu đạt 384,4 tỷ đồng vượt 11% kế hoạch, lợi nhuận đạt 2,8 tỷ đồng vượt 13% so với kế hoạch năm.

+ **Kinh doanh thiết bị và nhận diện thương hiệu và khác:** Doanh thu đạt 29,5 tỷ đồng đạt 74% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 923 triệu đồng bằng 92% so với kế hoạch năm.

d. Lĩnh vực tài chính: Tại Công ty PMG: Hoạt động của Công ty PMG trong năm 2017 đạt kết quả tốt, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 23,69 tỷ đồng, bằng 89% so với cùng kỳ. Lợi nhuận được chia từ P.M.G trong 2017 đạt 7,046 tỷ đồng vượt 76% so với kế hoạch năm. Tiếp nối kết quả kinh doanh năm 2016, năm 2017 Công ty P.M.G tiếp tục mang lại hiệu quả cao, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ~ 1 (tỷ suất rất cao đối với ngành cơ khí)

2. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản:** Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2017 là 305.285.471.986 đồng, giảm so với ngày 01/01/2017 là 1.054.122.364 đồng.
- **Tình hình nợ phải:** Số dư nợ phải trả ngày 31/12/2017 là 145.592.789.954 đồng tăng so với ngày 01/01/2017 là 5.096.004.722 đồng. Trong đó chủ yếu tăng nợ vay ngắn hạn. Trong năm 2017 công ty luôn thực hiện thanh toán đúng hạn cho các bên liên quan

3. Những cải tiến và cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.
- Triển khai từng bước áp dụng chương trình phần mềm kế toán, hạn chế các khâu thủ công và sử dụng tài sản của công ty một cách hợp lý và hiệu quả

Các biện pháp kiểm soát

- Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng nhân viên trong công ty ngày càng nghiêm túc hơn góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc, trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ, quy trình mua vật tư đầu vào.

4. Kế hoạch năm 2018 và triển vọng trong tương lai :

- **Kế hoạch SXKD năm 2018:** Căn cứ kết quả SXKD năm 2017 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 trên các yếu tố: Chi phí khấu hao, lãi vay, giá thép làm nguyên liệu chính để sản xuất, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau :

- Doanh thu bán hàng: 895,6 tỷ đồng Tăng 15,69% so với thực hiện năm 2017
- Lợi nhuận trước thuế: 22,9 tỷ đồng Bằng 93% so với thực hiện năm 2017
- Tiền lương bình quân 10 triệu đồng tăng 5,26% so với thực hiện năm 2017

Công ty cần tập trung thực hiện các công tác chủ yếu là:

- + Công tác sản xuất - kỹ thuật: Tập trung quản lý sản xuất, quản lý MMTB và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Đảm bảo tuân thủ các quy trình sản xuất, đáp ứng yêu cầu về công nghệ nhằm ổn định chất lượng và nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả nhà máy sản xuất vỏ thùng phuy đã đầu tư, tổ chức nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến... tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực trình độ cán bộ và nâng cao tay nghề cho công nhân.
 - + Công tác lao động tiền lương: Tập trung công tác cán bộ; tiếp tục rà soát sắp xếp, củng cố đội ngũ cán bộ chủ chốt; đào tạo, tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, xưởng... nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi. Đảm bảo thu nhập và việc làm cho CBCNV Công ty.
 - + Công tác thị trường: Tăng cường công tác tiếp thị, phát triển sản phẩm mới, linh hoạt xử lý giá bán đối với từng khách hàng trên cơ sở chi phí bán hàng phát sinh theo đối tượng, tăng tính cạnh tranh, giữ được khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới.
 - + Công tác Tài chính kế toán: Củng cố nhân lực, hoàn thiện phần mềm kế toán đáp ứng và nâng cao yêu cầu quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp và hạch toán báo cáo kế toán đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ.
 - + Hoạt động liên doanh: Phát huy kết quả đạt được trong năm 2017, hỗ trợ, nâng cao năng lực hoạt động để Công ty PMG tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.
- **Kế hoạch Tài chính năm 2018:**
 - Tình hình tài chính năm 2018 dự báo có nhiều khó khăn do chi phí khấu hao tăng, chi phí lãi suất tiền vay tăng mạnh. Công ty sẽ tích cực tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ, các biện pháp đảm bảo nợ, định mức số dư công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giảm số dư công nợ phải thu, đàm phán nhà cung cấp kéo dài thời gian thanh toán, khách hàng ứng trước tiền hàng.
 - Với những định hướng trên, trong năm 2018 Hội đồng quản trị sẽ tăng cường chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty, tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty bám sát các mục tiêu kế hoạch đề ra. Đồng thời sẽ chỉ đạo linh

hoạt các dự án đầu tư nhằm mang lại hiệu quả và tạo ra bước phát triển mới cho Công ty.

Giải pháp thực hiện :

- Công tác tiếp thị, kinh doanh

- + Tăng cường chăm sóc, duy trì khách hàng truyền thống và khách hàng mới phát triển (tiếp nhận từ Công ty Samsun Việt Nam, phát triển mới)
- + Phát triển mạnh mẽ cơ khí ô tô, hoàn tất ký hợp đồng làm đại lý cho hãng xe ô tô
- + Tăng cường công tác tiếp thị, củng cố hoàn thiện bộ phận tiếp thị, linh hoạt xử lý giá bán đối với từng khách hàng, tăng tính cạnh tranh..

- Đầu tư máy móc, ổn định sản xuất.

- + Ổn định sản xuất sản phẩm Phuy, thùng 18/20L
- + Đầu tư, hiện đại hóa máy móc thiết bị Xưởng cơ khí ô tô; sửa chữa nâng cấp MMTB, đảm bảo chất lượng sản phẩm bán ra.

- Công tác tổ chức, cán bộ và lao động tiền lương:

- + Tổ chức quy hoạch và có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, hoàn thiện đội ngũ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Công ty. Làm tốt công tác tuyển dụng, đánh giá sàng lọc nhân sự; củng cố và phát triển đội ngũ kinh doanh, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thị trường và Công ty. Nghiên cứu cải tiến chính sách lương, thưởng để thực sự là đòn bẩy phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần, tạo các điều kiện thuận lợi về nơi ăn, ở và đi lại của CBCNV Công ty.

- Tiết giảm chi phí, đảm bảo an toàn tài chính và phát huy hiệu quả đồng vốn

- + Hoàn tất công tác định mức kinh tế, kỹ thuật đối với các sản phẩm tại nhà máy mới tại Nhơn Trạch.
- + Nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí quản lý và chi phí bán hàng nhằm giảm giá thành, giá vốn hàng bán ra, tăng lợi nhuận Công ty.
- + Theo dõi sát diễn biến thị trường nguyên liệu đầu vào đặc biệt giá thép, đưa ra thời điểm thích hợp để mua nguyên liệu nhằm tránh rủi ro về giá, đảm bảo mức dự trữ hợp lý. Thực hiện triệt để và hiệu quả các quy định quản lý nội bộ Công ty. các quy định quản lý của Nhà nước và cấp trên.
- + Quản lý chặt chẽ dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn. Tích cực đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, công nợ phải thu và đàm phán nhà cung cấp kéo dài thời gian thanh toán, khách hàng ứng trước tiền hàng, thực hiện đảm bảo công nợ (đối với các khách hàng có số dư công nợ lớn)

- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

- + Thành lập bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, khai thác tối đa nguồn lực đã có sau khi tiếp nhận và đưa vào sử dụng nhà máy mới để đa dạng hóa các sản phẩm bao bì kim loại, sản phẩm cơ khí ô tô phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.



IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Căn cứ nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2017 với những thuận lợi và khó khăn như đã nêu, trong năm qua HĐQT đã theo dõi các biến động thị trường và chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động điều hành thông qua những nghị quyết cụ thể. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 tại Công ty như sau:

- + **Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:** Năm 2017 tình hình kinh tế, chính trị thế giới chưa có dấu hiệu khởi sắc. Ở trong nước, mặc dù một số cân đối vĩ mô có cải thiện, nhưng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy vậy, với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của tập thể CBCNV Công ty, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 được ĐHĐCĐ năm 2016 giao đã đạt được kết quả tương đối khả quan.

Kết quả đạt được như sau

- + Doanh thu: 766,094 tỷ đồng, đạt 91,01% so với kế hoạch và bằng 102,58% so với cùng kỳ năm 2016
- + Lợi nhuận trước thuế: 24,742 tỷ đồng đạt 130,22% so với kế hoạch và bằng 63,04% so với cùng kỳ năm 2016

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

- + Trong quá trình giám sát hoạt động SXKD năm 2017, HĐQT không thấy bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của BGD và các cán bộ quản lý Công ty.
- + BGD đã có những chủ động trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT trong công tác điều hành, cố gắng hoàn thiện, đổi mới phương thức quản lý, thống nhất trong công tác điều hành, có những quyết sách kịp thời đúng đắn, khắc phục khó khăn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nỗ lực đưa Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn, bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông.

- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

- + Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp theo.
- + Công ty phải triển khai thực hiện có hiệu quả các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty.
- + Công ty cần tiếp tục rà soát và thực hiện các biện pháp tích cực hơn nữa để tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- + Công ty cần tăng cường công tác quản lý công nợ, tích cực đôn đốc và có giải pháp thu hồi công nợ quá hạn.
- + Công ty cần tăng cường nâng cao năng lực sản xuất trên cơ sở đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị chuyên dùng, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng người lao động.
- + Tích cực tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ, nguyên vật liệu có uy tín, nguồn hàng ổn định để tăng tính cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

V.Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đoàn Đắc Học	Chủ tịch HĐQT	Kiểm Giám Đốc
2	Trịnh Bá Bộ	Phó chủ tịch HĐQT	
3	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Phó chủ tịch HĐQT	
4	Nguyễn Quang Kiên	Ủy viên HĐQT	
5	Hồ Trí Lượng	Ủy viên HĐQT	

Phó chủ tịch HĐQT : Ông TRỊNH BÁ BỘ

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 02 - 01 -1960
 Địa chỉ : 14 Trần Thị Kỳ - Phường 14 – Quận Bình Thạnh
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí và cử nhân kinh tế ngành kế toán
 Quá trình công tác :
 1982 – 1985 : Công tác tại xí nghiệp 23/11 nay là PMSC
 05/1985 -02/1989 : Phó quản đốc – TP kinh doanh Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
 09/1990 – 05/1998 : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 06/1998 -09/2008 : Giám đốc Xí nghiệp bán lẻ Xăng Dầu – Công ty XD Khu Vực II
 10/2008 -2015 : Phó giám đốc Công ty Xăng Dầu KV II
 Phó chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 01/2016 : Giám đốc Công ty Xăng Dầu KV II
 Phó chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 Chủ tịch HĐQT công ty TNHH Cơ khí Gas
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 32.777 cổ phần
 Cổ phần nhà nước uỷ quyền không có

Phó chủ tịch HĐQT : Ông NGUYỄN VŨ BẢO HOÀNG

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 18-10 -1976
 Nơi sinh : TP.HCM
 Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản Trị Kinh doanh, Thạc sỹ kinh tế,
 Cử nhân quản trị kinh doanh, CEO,
 Giám đốc kinh doanh, Marketing (Đại học kinh tế TP.HCM)
 Quá trình công tác :
 1995 – 2005 : Học và làm việc tại Sydney - Australia
 2005 – 05/2010 : Giám đốc kinh doanh tiếp thị-Ctyy CP Phát Triển Nhà Thủ Đức



- 06/2010 – 03/2012 : Phó Tổng Giám Đốc Cty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thù Đức
- 03/2012 –04/2015 : UV HĐQT kiêm PTGD Cty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thù Đức
- 04/2015- nay : UV HĐQT kiêm TGD Cty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thù Đức
- 08 /2013 : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
- 04/2016 : Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu

- Ủy viên HĐQT : Ông NGUYỄN QUANG KIÊN**
- Dân tộc : Kinh
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 25-09-1957
 - Nơi sinh : Quảng Yên - Yên Hưng - Quảng Ninh
 - Địa chỉ : F14 tập thể xăng dầu – Đồng Nhân – Hai bà Trưng – Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Đại học
 - Quá trình công tác :
 - 1974 - 1975 : Khoa lưu học sinh – Đại học ngoại ngữ Hà Nội
 - 1975 - 1981 : Học đại học tại Hungary
 - 1982 – 1989 : CV phòng kỹ thuật Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 - 08/1989 -10/1991 : Phó phòng – trưởng phòng kỹ thuật
 - 08 – 1993 : TP Công nghệ đầu tư Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 - 09 – 1994 : TP Công nghệ phát triển Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 - 06- 1998 : Học lớp cao cấp LLCT - Học viện chính trị Quốc Gia TPHCM
 - 03/2000 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Cổ phần cá nhân nắm giữ : 380 cổ phần

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
1	4 NK V	16/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả SXKD năm 2017. - Báo cáo công tác xây dựng kế hoạch SXKD năm 2017. - Quyết định cơ cấu bộ máy và nhân sự Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng Dầu Đồng Nai - Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2016
2	05 NK V	15/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016. - Quyết định cho Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng Dầu Đồng Nai được sử dụng toàn bộ tài sản để thế chấp vay NH - Nhân sự: Bổ nhiệm Ông Trần Văn Phúc – Trưởng phòng kế toán tài vụ giữ chức Kế toán Trưởng Công ty. - Công tác khác
3	06 NK V	3/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2016
4	07 NK V	12/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét và quyết định hạn mức tín dụng - Triển khai thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên 2016
5	08 NK V	01/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT giao KH cho VP Công ty PMS và PMS Đồng Nai - Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016

6	09 NK V	3/8/2017	- Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm - Công tác nhân sự: Bổ nhiệm PGĐ Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng Dầu ĐN - Bổ sung đầu tư
---	---------	----------	--

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Huy Hiệp	Trưởng ban kiểm soát	
2	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	TV ban kiểm soát	
3	Ngô Quý Dũng	TV ban kiểm soát	

Trưởng ban kiểm soát : Ông LÊ HUY HIỆP

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11 - 07 - 1979
 Nơi sinh : Hồng Bàng – Hải Phòng.
 Địa chỉ thường trú : số 46/172 Phố Hồng Mai - P.Quỳnh Lôi - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán – ĐH tài chính kế toán HN
 Quá trình công tác :
 02/2002 – 06/2003 : công tác tại kho gas Đức Giang – Công ty gas Petrolimex.
 07/2003 – 01/2006 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.
 02/2006 – 09/2006 : điều động biệt phái từ Công ty CP gas Petrolimex đến công tác tại Công ty CP taxi gas Petrolimex Hà Nội.
 09/2006 – 09/2009 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.
 09/2009 – đến nay : công tác tại phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu VN.
 Chức vụ hiện nay : chuyên viên phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu VN.
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 500 cp

Ủy viên ban kiểm soát : Ông NGÔ QUÝ DUNG

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11/03/1076
 Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, cử nhân luật
 Quá trình công tác :
 04/2016 : Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ 500 cổ phần.

Ủy viên ban kiểm soát : Bà NGUYỄN HOÀNG NGỌC PHƯỢNG

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam

Ngày tháng năm sinh : 14 – 03 -1976
 Nơi sinh : Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 11/1998 – 2000 : Kế toán Xí Nghiệp chăn nuôi Gò Sao
 02/2000 –06/2001 : Kế toán Công Ty Phát Triển Nhà và Dịch Vụ KCN Thủ Đức.
 07/2001 – 12/2006 : Kế toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức.
 01/2007 – 09/2007 : Trợ lý kế toán trưởng Công Ty LD Phát Triển Nhà Daewon Thủ Đức
 10/2007 – 12/2011 : Trợ lý KTT Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
 12/2011 – 01/2012 : Phó phòng kế toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức.
 30/03/2013 – nay : Phó phòng kế toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
 Ủy viên Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty. Cụ thể:

- + Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và Pháp luật.
- + Tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, thường xuyên rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm đảm bảo sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Doanh nghiệp. Các kiến nghị và đề xuất về công tác quản lý và điều hành kinh doanh đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai và khắc phục kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 04/04/2017, mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017 bình quân mỗi người/1 tháng bằng mức thu nhập bình quân CBCNV Công ty 1 người/1 tháng.

Thu nhập bình quân 1 CBCNV năm 2017 là: 9.800.000 đồng/ 1 tháng.

Tổng thù lao HĐQT: 9.800.000 đồng/tháng x 8 x 12 = 940.800.000 đồng

- Bảng quyết toán thù lao HĐQT năm 2017.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ	T.GIAN	THU NHẬP
1	Nguyễn Quang Kiên	CT HĐQT	1.0	9	122.358.000
	Nguyễn Quang Kiên	UV. HĐQT	0.7	3	28.550.000
2	Trịnh Bá Bộ	PCT. HĐQT	0.8	12	130.516.000

3	Howang Yu Nam	PCT. HDQT	0.8	8	87.010.000
4	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	PCT. HDQT	0.8	8	130.516.000
5	Đoàn Đắc Học	UV. HDQT	0.7	9	85.651.000
	Đoàn Đắc Học	CT HDQT	1.0	3	40.786.000
6	Hồ Trí Lượng	UV. HDQT	0.7	4	38.067.000
7	Lê Huy Hiệp	TB. BKS	0.7	12	114.202.000
8	Ngô Quý Dũng	TV. BKS	0.5	12	81.572.000
9	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	TV. BKS	0.5	12	81.572.000
	Cộng			96	940.800.000

Trong đó : Thù lao TV HDQT và BKS không tham gia điều hành : 814.363.000 đồng
 Thù lao TV HDQT và BKS tham gia điều hành (*) : 126.437.000 đồng

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm:

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG T.NHẬP	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	1.510.263.000	
1	Đoàn Đắc Học	279.883.000	
2	Trịnh Bá Bộ	291.866.000	
3	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	289.315.000	
4	Howang Yu Nam	278.366.000	
4	Nguyễn Quang Kiên	358.833.000	
5	Hồ Trí Lượng	12.000.000	
II	BAN KIỂM SOÁT:	526.744.000	
1	Lê Huy Hiệp	256.883.000	
2	Ngô Quý Dũng	112.944.000	
3	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	156.917.000	
III	BAN GIÁM ĐỐC và KẾ TOÁN TRƯỞNG:	2.065.262.000	
1	Đoàn Đắc Học	693.114.000	
2	Hồ Trí Lượng	650.355.000	
3	Dương Thị Bạch Xuyên	223.000.000	Nghi hưu T03/2017
3	Trần Văn Phúc	498.793.000	
	Tổng cộng	4.102.269.000	

Bên liên quan	Năm 2016	Năm 2017
	VND	VND.....
Thù lao HDQT, BKS, Thu nhập BGD và KTT	4.258.066.500	4.102.269.000

3176
 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
 TP. HỒ CHÍ MINH

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hiền	Đoàn Đắc Học			21.800	0.3%	Mua
2	Vương Hồng Thảo	Trần Văn Phúc			11.000	0.15%	Mua

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2018



ĐOÀN ĐẮC HỌC

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Đã được kiểm toán bởi Công ty AASC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,

Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-40



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch	
Ông Hồ Trí Lượng	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Howang Yu Nam	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/10/2017)
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/03/2017)
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Ngô Quý Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

01
CH
CƠ
ÁN
V4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018



Đoàn Đắc Học

19
NH
TY
KIẾ
AS
P.H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 07 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc
Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.505.669.226	153.162.714.594
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.094.692.901	10.946.942.670
111	1. Tiền		19.094.692.901	10.946.942.670
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.257.914	41.257.914
121	1. Chứng khoán kinh doanh		355.000.000	355.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(313.742.086)	(313.742.086)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.367.430.124	74.822.953.838
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	56.019.224.590	67.756.082.963
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.816.861.199	5.479.716.666
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.531.344.335	1.587.154.209
140	IV. Hàng tồn kho	8	56.496.642.331	59.388.841.789
141	1. Hàng tồn kho		56.496.642.331	59.388.841.789
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.505.645.956	7.962.718.383
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.927.030.812	1.284.659.534
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.267.854.008	6.678.058.849
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.310.761.136	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		153.779.802.760	153.976.879.756
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		565.000.000	565.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	565.000.000	565.000.000
220	II. Tài sản cố định		72.571.449.214	72.971.393.392
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	71.033.308.320	71.386.728.750
222	- Nguyên giá		119.207.628.468	115.309.999.792
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.174.320.148)	(43.923.271.042)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.538.140.894	1.584.664.642
228	- Nguyên giá		2.080.950.110	2.080.950.110
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(542.809.216)	(496.285.468)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.602.903.874	5.751.968.895
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.602.903.874	5.751.968.895
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	24.882.902.321	24.262.841.794
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.882.902.321	24.262.841.794
260	VI. Tài sản dài hạn khác		53.157.547.351	50.425.675.675
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	53.157.547.351	50.425.675.675
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		305.285.471.986	307.139.594.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		145.592.789.954	140.496.785.232
310	I. Nợ ngắn hạn		145.047.568.589	139.597.663.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.073.304.040	47.606.814.736
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	4.336.142.200	4.299.552.884
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	952.824.194	2.869.076.291
314	4. Phải trả người lao động		5.869.118.001	6.558.151.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.641.765.039	5.824.883.337
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.159.024.645	2.800.074.295
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	95.409.211.938	69.234.306.009
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.606.178.532	404.804.468
330	II. Nợ dài hạn		545.221.365	899.121.365
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	450.000.000	550.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	95.221.365	349.121.365
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		159.692.682.032	166.642.809.118
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	159.692.682.032	166.642.809.118
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
415	3. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.783.745.434	34.189.156.425
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.550.623.824	35.095.339.919
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		4.596.889.272	3.949.219.192
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		21.953.734.552	31.146.120.727
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		305.285.471.986	307.139.594.350

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

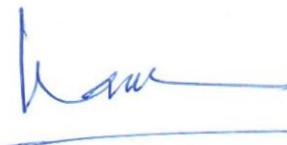
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	766.094.439.623	746.796.084.153
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		766.094.439.623	746.796.084.153
11	4. Giá vốn hàng bán	23	687.276.608.502	659.425.646.447
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.817.831.121	87.370.437.706
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	7.994.738.017	1.421.434.877
22	7. Chi phí tài chính	25	5.234.522.587	3.323.488.003
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.991.428.152	3.120.806.141
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.408.802.608	9.972.686.518
25	9. Chi phí bán hàng	26	21.548.795.328	18.135.184.238
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	39.711.148.145	39.111.370.995
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.726.905.686	38.194.515.865
31	12. Thu nhập khác	28	3.054.327.291	1.300.991.190
32	13. Chi phí khác	29	38.369.834	248.525.496
40	14. Lợi nhuận khác		3.015.957.457	1.052.465.694
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.742.863.143	39.246.981.559
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.015.192.705	5.772.427.985
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.727.670.438</u>	<u>33.474.553.574</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		23.727.670.438	33.474.553.574
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.295	4.648

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.742.863.143	39.246.981.559
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.491.823.646	4.759.984.801
03	2. Các khoản dự phòng		-	(2.224.901.024)
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.899.961	(48.743.351)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.736.049.743)	(10.865.774.437)
06	5. Chi phí lãi vay		4.991.428.152	3.120.806.141
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.494.965.159	33.988.353.689
09	1. Tăng, giảm các khoản phải thu		9.554.594.427	(22.554.667.404)
10	2. Tăng, giảm hàng tồn kho		2.892.199.458	(3.728.368.124)
11	3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(22.943.063.537)	22.575.632.529
12	4. Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.603.556.313)	(51.352.146.455)
14	5. Tiền lãi vay đã trả		(4.955.956.754)	(3.061.456.988)
15	6. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.714.136.584)	(5.382.607.082)
17	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.793.572.232)	(4.255.379.073)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.931.473.624	(33.770.638.908)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.967.270.384)	(73.433.400.854)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		614.000.000	5.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.967.016.431	6.776.431.614
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.613.746.047	(66.651.514.695)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		301.921.336.470	203.836.792.938
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(275.746.430.541)	(168.874.665.164)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.567.848.400)	(9.582.169.540)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.607.057.529	25.379.958.234

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.152.277.200	(75.042.195.369)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.946.942.670	85.940.394.688
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.526.969)	48.743.351
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>19.094.692.901</u>	<u>10.946.942.670</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.276.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 72.276.620.000 đồng; tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Mua bán xăng, dầu; Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh cơ khí

- Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	49%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị ngành gas

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2017
CH
CÔ
HÂN
ÁN

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá trị khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- *Đối với công trình xây dựng*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- *Đối với sản xuất thành phẩm*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

00
IAN
TN
M
SC
HỒ

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	40 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng

S/ H JAI HI

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm tài chính phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

00117
CHI
CÔN
HÃNG
4N 4

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	364.948.009	419.352.936
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.729.744.892	10.527.589.734
	<u>19.094.692.901</u>	<u>10.946.942.670</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi (UTXI)	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	<u>355.000.000</u>	<u>(313.742.086)</u>	<u>355.000.000</u>	<u>(313.742.086)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty xác định giá trị dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
- Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Huyện Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	24.882.902.321	Huyện Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	24.262.841.794
				<u>24.882.902.321</u>				<u>24.262.841.794</u>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Castrol BP Petco	7.452.370.280	6.229.215.448
- Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	9.765.712.000	10.349.273.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.801.142.310	51.177.594.515
	<u>56.019.224.590</u>	<u>67.756.082.963</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)</i>	<u>1.636.695.091</u>	<u>21.905.898.653</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Perstima Việt Na	-	-	2.783.892.016	-
- Công ty Cổ phần Nhân Lực	1.305.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Triều Lợi	1.119.729.600	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.392.131.599	-	2.695.824.650	-
	<u>3.816.861.199</u>	<u>-</u>	<u>5.479.716.666</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu về tiền bán	1.185.928.821	-	786.726.773	-
- Phải thu về thuế TNCN	779.832.646	-	401.547.538	-
- Tạm ứng lợi nhuận cho Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia	245.000.000	-	245.000.000	-
- Phải thu tiền tạm ứng các đội thi công	1.742.792.657	-	-	-
- Phải thu khác	577.790.211	-	153.879.898	-
	<u>4.531.344.335</u>	<u>-</u>	<u>1.587.154.209</u>	<u>-</u>
b) Phải thu dài hạn khác				
- Ký cược, ký quỹ	565.000.000	-	565.000.000	-
	<u>565.000.000</u>	<u>-</u>	<u>565.000.000</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.625.379.737	-	32.610.159.890	-
Công cụ, dụng cụ	172.500.000	-	251.114.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.184.531.034	-	10.749.398.136	-
Thành phẩm	6.095.528.435	-	7.408.285.925	-
Hàng hoá	6.418.703.125	-	8.369.883.338	-
	56.496.642.331	-	59.388.841.789	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án 446 Nơ Trang Long ⁽¹⁾	863.085.429	863.085.429
Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy ⁽²⁾	1.739.818.445	4.888.883.466
	2.602.903.874	5.751.968.895

(1) Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án.

(2) Thông tin chi tiết dự án:

- Tên dự án : Cửa hàng Xăng dầu 446 Nơ Trang Long;
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu;
- Địa điểm xây dựng : Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh;
- Nguồn vốn đầu tư: 7.526.190.544 VND;
- Tiến độ thực hiện dự án: từ Quý IV/2017 đến Quý I/2018;
- Tình hình dự án tại ngày 31/12/2017: Dự án đang thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.461.188.582	59.852.398.654	10.763.608.946	232.803.610	115.309.999.792
- Mua trong năm	-	6.967.270.384	-	-	6.967.270.384
- Thanh lý, nhượng bán	(1.154.207.293)	-	(1.915.434.415)	-	(3.069.641.708)
Số dư cuối năm	43.306.981.289	66.819.669.038	8.848.174.531	232.803.610	119.207.628.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.242.364.999	29.482.757.097	8.004.581.459	193.567.487	43.923.271.042
- Khấu hao trong năm	1.564.545.784	4.829.350.198	657.192.208	15.833.328	7.066.921.518
- Thanh lý, nhượng bán	(900.437.997)	-	(1.915.434.415)	-	(2.815.872.412)
Số dư cuối năm	6.906.472.786	34.312.107.295	6.746.339.252	209.400.815	48.174.320.148
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	38.218.823.583	30.369.641.557	2.759.027.487	39.236.123	71.386.728.750
Tại ngày cuối năm	36.400.508.503	32.507.561.743	2.101.835.279	23.402.795	71.033.308.320

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.455.183.492 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Số dư cuối năm	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	276.285.468	220.000.000	496.285.468
- Khấu hao trong năm	46.523.748	-	46.523.748
Số dư cuối năm	322.809.216	220.000.000	542.809.216
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.584.664.642	-	1.584.664.642
Tại ngày cuối năm	1.538.140.894	-	1.538.140.894

- Quyền sử dụng đất: Là 3.000,5 m² đất được Công ty sử dụng với mục đích kinh doanh xăng dầu tại khu đất ở phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời hạn sử dụng đến ngày 05/10/2055.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 220.000.000 VND.

110
NI
GT'
KIẾ
AA'
TP.1

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.103.860.834	321.952.273
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	43.531.875
Chi phí làm bảng quảng cáo các cửa hàng xăng dầu	-	823.086.292
Chi phí sửa chữa TSCĐ	931.724.875	-
Các khoản khác	1.891.445.103	96.089.094
	<u>3.927.030.812</u>	<u>1.284.659.534</u>
b) Dài hạn		
Phí nhận chuyển nhượng quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch (*)	49.047.297.295	50.425.675.675
Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy thùng phuy	1.730.039.090	-
Chi phí đầu tư các cửa hàng đại lý xăng dầu	1.421.120.466	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	959.090.500	-
	<u>53.157.547.351</u>	<u>50.425.675.675</u>

(*) Khoản phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai với số tiền 51.000.000.000 đồng. Thời gian sử dụng đất đến năm 2053. Công ty đã phân bổ khoản phí này vào kết quả kinh doanh năm 2017 với số tiền 1.378.378.380 đồng.

000
 ANH
 TNHH
 TỐA
 C
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦUSố 446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	38.347.013.497	38.347.013.497	18.527.181.673	52.964.799.270	3.909.395.900	3.909.395.900
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	16.596.243.795	16.596.243.795	95.729.873.247	108.037.497.042	4.288.620.000	4.288.620.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 ⁽³⁾	14.291.048.717	14.291.048.717	187.664.281.550	114.744.134.229	87.211.196.038	87.211.196.038
	69.234.306.009	69.234.306.009	301.921.336.470	275.746.430.541	95.409.211.938	95.409.211.938

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/CV-0092/KHDN1/17NH ngày 15/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 15/05/2017 đến 03/05/2018;
 - + Lãi suất cho vay: 5.6% - 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.909.395.900 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn số 0693/NHNT ngày 15/05/2017.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 441.0090/2016/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 11/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.288.620.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3.1) Hợp đồng tín dụng số 0312/2017-HĐTDHM/NHCT924-CKXDDN ngày 14 tháng 03 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất: 5,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 49.969.297.914 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 582309. Tổng giá trị của Tài sản thế chấp là 95.970.000.000 VND.
- (3.2) Hợp đồng tín dụng số 0604/2017-HĐCVHM/NHCT924-CKXD ngày 12/06/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 5.5% - 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 37.241.898.124 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

M.S.C.A.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Minh Đức Minh Tâm	6.136.773.852	6.136.773.852	755.355.685	755.355.685
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	6.218.411.400	6.218.411.400	5.129.959.814	5.129.959.814
- Công ty TNHH Posco Việt Nam	-	-	8.579.463.491	8.579.463.491
- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	4.490.000.000	4.490.000.000
- Công ty TNHH MTV TM Van Hoàng Linh	1.256.136.200	1.256.136.200	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	17.461.982.588	17.461.982.588	28.652.035.746	28.652.035.746
	31.073.304.040	31.073.304.040	47.606.814.736	47.606.814.736
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	6.494.815.569	6.494.815.569	5.204.757.251	5.204.757.251
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)</i>				

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	1.282.740.000
- Công ty TNHH Châu Thành	-	816.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô và Kỹ Thuật Trường Long	200.000.000	-
- Meng Nguon Ching Construction Co., Ltd	422.100.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	3.714.042.200	2.200.812.884
	4.336.142.200	4.299.552.884

1.001
C
C
H
H
4

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.277.367.222	5.950.218.137	-	327.149.085
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	30.504.641	30.504.641	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	799.466.093	1.143.454.252	1.714.136.584	-	228.783.761
Thuế Thu nhập cá nhân	-	97.827.788	1.441.456.013	1.142.392.453	-	396.891.348
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	1.971.782.410	(1.327.535.162)	3.955.008.384	3.310.761.136	-
Các loại thuế khác	-	-	46.124.551	46.124.551	-	-
	-	2.869.076.291	7.611.371.517	12.838.384.750	3.310.761.136	952.824.194

(*) Căn cứ theo Thông báo số 18886/TB-CT ngày 28/12/2017 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, về đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2020, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2016 số tiền 2.644.132.644 VND và giảm số tiền thuê đất đã nộp trong năm 2017 là 1.677.876.376 VND dẫn đến số tiền thuê đất Công ty đã nộp thừa tính đến thời điểm 31/12/2017 là 3.310.761.136 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	94.820.551	59.349.153
- Chi phí sửa chữa Văn phòng	-	223.162.500
- Trích trước chi phí thi công các công trình	-	3.707.897.602
- Trích trước chi phí nhiên liệu đội vận tải	-	203.183.712
- Trích trước chi phí lương và ăn ca	-	1.003.632.680
- Chi phí hoa hồng môi giới	320.499.400	177.769.451
- Chi phí vận chuyển	488.962.545	-
- Chi phí sơn bôn	134.000.000	-
- Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	428.752.946	-
- Chi phí phải trả khác	174.729.597	449.888.239
	1.641.765.039	5.824.883.337

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	117.745.710	102.213.560
- Bảo hiểm y tế	1.330.200	1.330.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.689.953.025	2.491.953.825
- Lãi chậm thanh toán	210.780.197	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.215.513	204.576.710
	4.159.024.645	2.800.074.295
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	450.000.000	550.000.000
	450.000.000	550.000.000

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	95.221.365	349.121.365
	95.221.365	349.121.365

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	29.079.939.584	17.854.799.314	144.293.051.672
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	33.474.553.574	33.474.553.574
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.109.216.841	(5.109.216.841)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(8.642.126.400)	(8.642.126.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(1.719.825.035)	(1.719.825.035)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2015	-	-	-	-	(383.631.038)	(383.631.038)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	(302.000.000)	(302.000.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ	-	-	-	-	(1.330.158.490)	(1.330.158.490)
Phân phối lợi nhuận Công ty liên kết	-	-	-	-	3.252.944.835	3.252.944.835
theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	34.189.156.425	35.095.339.919	166.642.809.118
Số dư đầu năm nay	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	34.189.156.425	35.095.339.919	166.642.809.118
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	23.727.670.438	23.727.670.438
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.765.847.600)	(23.765.847.600)
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	1.594.589.009	(1.594.589.009)	-
Thù lao HĐQT từ LN năm 2016	-	-	-	-	(464.779.000)	(464.779.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	(302.500.000)	(302.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(1.884.492.957)	(1.884.492.957)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	-	-	-	-	(1.343.174.339)	(1.343.174.339)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(128.261.547)	(128.261.547)
Phân phối lợi nhuận Công ty liên kết	-	-	-	-	(788.742.081)	(788.742.081)
theo phương pháp VCSH	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	35.783.745.434	26.550.623.824	159.692.682.032

⁽¹⁾ Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh, xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

⁽²⁾ Khoản nộp thuế TNDN bổ sung theo Quyết định của Cục thuế TPHCM số 1509/QĐ-CT-XP ngày 18/04/2017.



Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 04/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tạm phân phối LNST năm 2017	Phân phối LNST năm 2016	Trong đó: đã tạm trích trong năm 2016
	VND	VND	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.594.589.009	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.000.000.000	-
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	302.500.000	766.779.000	302.000.000
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	1.884.492.957	-
Chi trả cổ tức (bằng 33% vốn điều lệ bình quân)	-	23.765.847.600	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.343.174.339	1.330.158.490	1.330.158.490

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	46,00	33.248.770.000	46,00	33.248.770.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà	-	-	23,01	16.634.000.000
Trần Thị Hiền	11,28	8.155.600.000	-	-
Các cổ đông khác	42,36	30.613.350.000	30,63	22.134.950.000
Cổ phiếu quỹ	0,36	258.900.000	0,36	258.900.000
	100,00	72.276.620.000	100,00	72.276.620.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.765.847.600	8.642.126.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	23.765.847.600	8.642.126.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.201.772	7.201.772

Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 VND

e)	Các quỹ của công ty	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	35.783.745.434	34.189.156.425
		35.783.745.434	34.189.156.425
21	. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a)	Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
	Đô la Mỹ (USD)	419.065,15	39.377,28
		419.065,15	39.377,28
b)	Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
	Nợ khó đòi đã xử lý	2.888.310.177	2.888.310.177
		2.888.310.177	2.888.310.177
22	. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng hóa	474.970.067.375	299.389.946.579
	Doanh thu bán thành phẩm	274.497.520.345	420.659.702.541
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.626.851.903	26.746.435.033
		766.094.439.623	746.796.084.153
	Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	80.921.672.072	193.450.414.593
23	. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	451.832.530.830	285.792.474.578
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	219.356.358.120	348.680.961.598
	Giá vốn của hợp đồng xây dựng	16.087.719.552	24.952.210.271
		687.276.608.502	659.425.646.447

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	127.016.431	729.276.501
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	65.696.012
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.840.000.000	412.155.113
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	27.721.586	165.563.900
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	48.743.351
	7.994.738.017	1.421.434.877

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.991.428.152	3.120.806.141
Lãi chậm thanh toán	210.780.197	74.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	27.414.277	39.031.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.899.961	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	18.554.132
Chi phí tài chính khác	-	71.096.245
	5.234.522.587	3.323.488.003

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	896.846.785	612.561.359
Chi phí nhân viên bán hàng	2.426.518.103	2.471.565.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.912.240	490.750.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.110.561.647	3.654.869.866
Chi phí khác bằng tiền	10.917.956.553	10.905.436.880
	21.548.795.328	18.135.184.238

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	1.081.381.210	486.588.590
Chi phí nhân viên quản lý	17.237.319.494	19.035.173.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.470.877.554	1.560.758.737
Thuế, phí, lệ phí	1.322.597.502	3.984.239.880
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.738.588.490)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.308.317.056	3.275.577.622
Chi phí khác bằng tiền	14.290.655.329	12.507.621.142
	39.711.148.145	39.111.370.995

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm (*)	2.644.132.664	1.300.989.600
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	360.230.704	-
Thu nhập khác	49.963.923	1.590
	3.054.327.291	1.300.991.190

(*) Công ty được giảm đơn giá tiền thuê đất năm 2016. Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16.

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	248.343.695
Chi phí khác	38.369.834	181.801
	38.369.834	248.525.496

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	849.108.054	5.095.985.327
Chi phí thuế TNDN tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	166.084.651	676.442.658
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.015.192.705	5.772.427.985

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.727.670.438	33.474.553.574
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.727.670.438	33.474.553.574
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.201.772	7.201.772
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.295	4.648

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày lập Báo cáo tài chính hàng năm.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.951.920.647	187.999.714.776
Chi phí nhân công	31.322.704.976	33.793.484.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.113.445.266	4.185.660.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.845.990.548	20.500.905.949
Chi phí khác bằng tiền	30.091.879.550	28.541.282.877
	293.325.940.987	275.021.048.316

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương	19.094.692.901	-	10.946.942.670	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.115.568.925	-	69.908.237.172	-
Đầu tư ngắn hạn	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	80.565.261.826	(313.742.086)	81.210.179.842	(313.742.086)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.409.211.938	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	35.682.328.685	50.956.889.031
Chi phí phải trả	1.641.765.039	5.824.883.337
	132.733.305.662	126.016.078.377

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi và giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	41.257.914	-	-	41.257.914
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	41.257.914	-	-	41.257.914

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.094.692.901	-	-	19.094.692.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.550.568.925	565.000.000	-	61.115.568.925
	79.645.261.826	565.000.000	-	80.210.261.826
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.946.942.670	-	-	10.946.942.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	69.343.237.172	565.000.000	-	69.908.237.172
	80.290.179.842	565.000.000	-	80.855.179.842

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	95.409.211.938	-	-	95.409.211.938
Phải trả người bán, phải trả khác	35.232.328.685	450.000.000	-	35.682.328.685
Chi phí phải trả	1.641.765.039	-	-	1.641.765.039
	132.283.305.662	450.000.000	-	132.733.305.662
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	69.234.306.009	-	-	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	50.406.889.031	550.000.000	-	50.956.889.031
Chi phí phải trả	5.824.883.337	-	-	5.824.883.337
	125.466.078.377	550.000.000	-	126.016.078.377

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	301.921.336.470	203.836.792.938
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	275.746.430.541	168.874.665.164

35 . THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

(a) Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với DNTN Kinh doanh Xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ Ấp 1A, Xã Long Xuyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:

- DNTN Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m2 tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 04/08/2010 đến ngày 30/04/2020;
- Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương như sau:
 - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
 - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
- Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

2017
 CHI
 CỘNG
 ANH
 1/4

Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh: (tiếp theo)

- (b) Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp vốn bằng khu đất có diện tích 316 m² tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/02/2013 đến ngày 31/08/2018;
 - Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình Giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
 - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
 - Trong năm 2014, theo Công văn số 163/Cienco 610 ngày 26 tháng 08 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 610 thỏa thuận giảm phần phân chia lợi nhuận của hàng xăng dầu này như sau:
 - + Giảm phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu từ 85 triệu đồng/tháng xuống còn 65 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/07/2014 đến hết ngày 30/06/2015.
 - Trong năm 2015, theo Công văn số 222/Cienco 610 ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 610 thỏa thuận giảm phần phân chia lợi nhuận của hàng xăng dầu này như sau:
 - + Giảm phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu từ 85 triệu đồng/tháng xuống còn 65 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/07/2015 đến hết ngày 31/12/2015.
 - Theo Văn bản số 60/Cienco610 ngày 28/04/2017, từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 phần phân chia lợi nhuận của hàng xăng dầu này là 65 triệu đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2018 là 85 triệu đồng/tháng.
- (c) Ngày 01 tháng 08 năm 2015, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 015/CT-HĐ với Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia (Bên A) đồng ý góp vốn bằng một mặt bằng có cửa hàng xăng dầu tại địa chỉ 2A/71-72, Ấp 2, Tỉnh lộ 10, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (Bên B) đồng ý góp vốn bằng việc cung cấp hàng hóa xăng dầu để phục vụ kinh doanh bán lẻ xăng
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/05/2020.
 - Bên A giao cho Bên B toàn quyền tự chủ quản lý điều hành, tổ chức kinh doanh và chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh.
 - Bên A được Bên B phân chia lợi nhuận sau thuế cố định trong 05 năm liên kết kinh doanh là 35 triệu đồng/tháng.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Thương mại	Sản xuất	Xây dựng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	474.970.067.375	274.497.520.345	16.626.851.903	766.094.439.623
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.137.536.545	55.141.162.225	539.132.351	78.817.831.121
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.763.370.384	2.203.900.000	-	6.967.270.384
Tài sản bộ phận trực tiếp	65.729.182.124	156.645.176.436	1.531.568.774	223.905.927.334
Tài sản không phân bổ	-	-	-	81.379.544.652
Tổng tài sản	65.729.182.124	156.645.176.436	1.531.568.774	305.285.471.986
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	31.863.154.663	75.935.974.294	742.449.718	108.541.578.675
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	37.051.211.279
Tổng nợ phải trả	31.863.154.663	75.935.974.294	742.449.718	145.592.789.954

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	5.123.636.364	1.241.400.000
- Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	6.088.750.000	6.240.160.000
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	295.272.727	14.541.363.635
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	370.115.494	7.142.539.357
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	570.875.064	1.074.122.048
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	200.272.726	119.272.728
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	6.502.750.960	3.186.741.920
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	(*)	3.556.230.728	135.985.720
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	169.500.000	162.724.858
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	4.805.332.727	5.043.864.301
- Công ty Xăng dầu Cà Mau	(*)	1.200.132.233	738.137.850
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	(*)	23.520.189.637	10.592.225.816
- Công ty CP Vận tải và DV Petrolimex Sài Gòn	(*)	16.383.636.363	33.124.545.452
- Công ty Xăng dầu khu vực III - TNHH Một Thành Vi	(*)	2.325.000.000	6.717.272.727
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	(*)	1.890.909.091	3.475.628.953
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	(*)	68.790.000	290.030.000

Giao dịch phát sinh trong năm: (tiếp theo)	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	(*)	4.900.000.000	4.978.181.818
- Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	(*)	724.320.000	528.880.000
- Công ty Xăng dầu Khu vực 5	(*)	1.064.540.000	-
- Công ty CP Vận tải và DV Petrolimex Thừa Thiên	(*)	7.500.000	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	(*)	409.920.000	-
- Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH Một Thành Viê	(*)	90.381.818	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông Bé	(*)	653.616.140	-
- Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex	(*)	-	106.000.000
- Công ty CP TM và Vận tải Petrolimex Hà Nội	(*)	-	5.214.545.454
- Công ty CP Vận tải và DV Petrolimex Hà Tây	(*)	-	4.990.909.090
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolir	(*)	-	78.690.000
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	(*)	-	176.000.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	-	313.010.000
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông Bé - Chi	(*)	-	59.727.272
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	(*)	-	274.857.797
- Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại	(*)	-	430.675.000
- Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	(*)	-	3.861.818.182
- Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	(*)	-	7.881.818.181
- Công ty Xăng dầu Nghệ An	(*)	-	54.000.000
- Công ty Xăng dầu Bình Định	(*)	-	4.096.523.573
- Chi nhánh Công ty Xăng dầu Bình Thuận	(*)	-	229.230.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	-	6.260.950.728
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	-	11.110.116.361
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên - Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	(*)	-	270.845.455
- Công ty Xăng dầu Trà Vinh	(*)	-	3.954.868.942
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(*)	-	18.010.000
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	1.063.211.375	711.439.380
- Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH Một Thành Viê	(*)	237.764.832.997	280.375.300.238

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	723.872.424	488.472.424
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	241.500.000	592.100.000
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	(*)	457.588.250	218.952.800
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	31.745.000	2.646.164.818
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	(*)	98.939.417	98.939.417
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	(*)	64.900.000	-
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	18.150.000	-
- Công ty Xăng dầu Trà Vinh	(*)	-	1.876.000.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petroli	(*)	-	43.279.500
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài G	(*)	-	2.236.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Bay Petrolimex	(*)	-	45.100.000
- Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH Một Thành Viê	(*)	-	3.554.901.648
- Công ty Xăng dầu khu vực III - TNHH Một Thành Vi	(*)	-	2.120.000.000
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	(*)	-	114.400.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	-	117.161.000
- Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	(*)	-	4.248.000.000
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	-	2.004.050.000
- Công ty Xăng dầu Bình Định	(*)	-	1.502.377.046
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
- Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	(*)	5.500.000	5.500.000
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH Một Thành Vi	(*)	6.218.411.400	5.129.959.814
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	270.904.169	69.297.437

(*) Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	972.997.000	823.345.500
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	4.184.588.000	3.434.221.000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

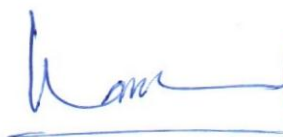
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018



Đoàn Đắc Học